

Theo kinh nghiệm của nước ta và các nước đang phát triển khác, muốn tăng trưởng 7 - 8%/năm cần đầu tư với tỷ lệ 20 - 25% so với GDP, nhưng muốn tăng trưởng với mức độ cao hơn 10 - 12%/năm thì cần đến một lượng vốn bằng 30% GDP. Nguồn vốn đầu tư hiện đang khan hiếm. Việc giải quyết tốt quan hệ cung cầu vốn đầu tư trong mức độ nào đó sẽ có ý nghĩa quyết định thắng lợi của chiến lược tăng trưởng trong thời gian tới. Nguồn vốn cho tăng trưởng chỉ có thể được tạo ra bằng tiết kiệm trong nước và vốn từ nước ngoài. Xét về lâu dài, nguồn vốn huy động trong nước phải là nguồn chủ yếu, việc bảo đảm tăng trưởng bền vững, ổn định, vừa tránh được sự phụ thuộc vào nước ngoài. Tăng trưởng "dựa vào sức mình" chính là kinh nghiệm và niềm tự hào



hàng năm tăng 50%, cơ cấu đầu tư cũng có dịch chuyển lớn, nếu trong những năm đầu thực hiện luật đầu tư, các dự án đầu tư chủ yếu tập trung vào lĩnh vực dịch vụ, khách sạn, đầu khí thì từ năm 1992 trở đi các dự án đầu tư vào ngành công nghiệp tăng dần, nhiều dự án xây dựng cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp, khu chế xuất, giao thông, viễn thông, công nghệ cao và các dự án đầu tư vào lĩnh vực nông, lâm nghiệp sử dụng công nghệ tiên tiến, kỹ thuật cao đã góp phần điều chỉnh cơ cấu kinh tế ngành của VN.

Đến cuối tháng 7.1995 vốn đầu tư đã thực hiện là 4.980 triệu USD, bằng 30,7% vốn đầu tư cần thực hiện, đã tạo ra 7 vạn công ăn làm trực tiếp trong các xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và 10 vạn lao động xây dựng. Các xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài năm 1993 đã xuất khẩu 169

GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ HUY ĐỘNG VÀ SỬ DỤNG NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP CỦA NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

PTS. NGUYỄN NGỌC HÙNG

của người Nhật. Song trong buổi đầu tăng trưởng, không một nước chậm phát triển nào lại không tranh thủ vốn nước ngoài. Đầu tư nước ngoài được coi là "cái kích" đột phá vào vòng luẩn quẩn của nghèo đói, tạo điều kiện cho nền kinh tế cất cánh.

Vốn đầu tư nước ngoài bao gồm vốn đầu tư gián tiếp và vốn đầu tư trực tiếp.

Vốn đầu tư gián tiếp là vốn của các chính phủ, tổ chức quốc tế và tổ chức phi chính phủ thực hiện dưới dạng viện trợ, vốn cho vay ưu đãi với thời gian dài, lãi suất thấp của các tổ chức tài chính quốc tế; vốn vay tín dụng từ các ngân hàng thương mại nước ngoài; vốn cho phát hành trái phiếu, cổ phiếu ra nước ngoài. Vốn này thường có quy mô lớn nên có tác động nhanh và mạnh đối với việc giải quyết các nhu cầu phát triển của nước nhà nhưng cũng thường gắn với các điều kiện chính trị và tình trạng vay nợ chồng chất nếu chúng ta không biết sử dụng chúng có hiệu quả. Ngược lại, vốn đầu tư trực tiếp là vốn của các doanh nghiệp hoặc của cá nhân người

nước ngoài đầu tư vào nước ta. Những doanh nghiệp và cá nhân này trực tiếp tham gia quản lý và thu hồi vốn đó. Vốn đầu tư trực tiếp thường có quy mô nhỏ hơn nhưng nó mang theo toàn bộ "năng lực kinh doanh" nên có thể thúc đẩy các ngành nghề mới phát triển, đưa công nghệ mới và kinh nghiệm quản lý doanh nghiệp hiện đại vào nước ta, góp phần đào tạo các nhà quản lý và kinh doanh phù hợp với điều kiện mới của kinh tế thị trường.

Tháng 12 năm 1987 Quốc hội đã thông qua Luật đầu tư nước ngoài tại VN, và sửa đổi, bổ sung lần đầu vào tháng 6.1990, và lần thứ hai vào tháng 12.1992. Cùng với Luật đầu tư nước ngoài tại VN Quốc hội và chính phủ đã ban hành nhiều luật và pháp lệnh có liên quan khác đã tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động đầu tư trực tiếp của nước ngoài tại VN.

Đến tháng 7.1995 đã có 1402 dự án đầu tư được cấp giấy phép với tổng số vốn đầu là 16.200 triệu USD, với nhịp độ thu hút vốn đầu tư tăng nhanh theo từng năm, bình quân

triệu USD (trừ dầu thô); năm 1994 đạt 300 triệu USD chiếm khoảng 8,3% tổng kim ngạch xuất khẩu và 20% hàng công nghiệp xuất khẩu, tạo nguồn thu ngoại tệ đáng kể, góp phần ổn định tỷ giá ngoại tệ và kiềm chế lạm phát. Các xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã tạo ra những năng lực sản xuất mới, riêng trong năm 1994: Thép và các sản phẩm thép: 3,5 vạn tấn, lắp ráp sản xuất ô tô 7.000 chiếc, lắp ráp sản xuất xe máy 70.000 chiếc; 30.000 cọc sợi, vải các loại 25 triệu mét, bia 135 triệu lít, trồng rừng 13.500 ha, 2.500 phòng khách sạn đạt tiêu chuẩn quốc tế. Một kết quả rất quan trọng là đã tiếp nhận được một số kỹ thuật công nghệ tiên tiến trong một số ngành kinh tế, như thông tin viễn thông; thăm dò dầu khí; sản xuất lắp ráp ô tô, xe máy, hóa chất; trồng chuối, nấm, ngô, rau theo phương pháp công nghệ sinh học tiên tiến; nuôi tôm nước lợ theo phương pháp công nghệ; xây dựng khách sạn cao cấp.

Đầu tư trực tiếp của nước ngoài đã tạo ra nguồn thu cho ngân sách

nhà nước, năm 1993 các nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước của các xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đạt 120 triệu USD (kể cả hoa hồng chữ ký đầu khi), năm 1994 đạt 128 triệu USD (không kể hoa hồng chữ ký đầu khi và thuế nhập khẩu).

Đầu tư trực tiếp của nước ngoài tại VN đã góp phần ổn định nền kinh tế, góp phần điều chỉnh cơ cấu kinh tế, tạo ra nhiều ngành kinh tế mới, tạo công ăn việc làm, tăng kim ngạch xuất khẩu, kiểm chế lạm phát, thu hút nhiều máy móc, thiết bị, công nghệ tiên tiến, kỹ năng quản lý phù hợp với cơ chế mới, tạo ra nhiều ngành nghề, sản phẩm mới.

Hoạt động đầu tư trực tiếp của nước ngoài tại VN đã góp phần thúc đẩy phát triển một nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, tạo ra sự cạnh tranh với các doanh nghiệp trong nước, thúc đẩy các doanh nghiệp

đầu tư của nước ngoài (phía Bắc, Tây Nguyên, miền Trung).

- Tổ chức quản lý dự án đầu tư của nước ngoài còn nhiều khiếm khuyết từ khâu ký hợp đồng đến khi vận hành dự án.

- Tỷ lệ góp vốn của bên VN trong các liên doanh nước ngoài còn thấp, chỉ ở mức 20 - 30%, khiến bên VN trong liên doanh nước ngoài trở nên yếu thế và thua thiệt khi chia lợi nhuận.

Đội ngũ cán bộ làm việc trong lĩnh vực tiếp nhận vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trong các liên doanh còn yếu cả về nghiệp vụ lẫn kinh nghiệm quản lý.

- Nhiều thủ tục hành chính còn rườm rà, các dịch vụ và cơ sở hạ tầng còn thiếu và kém nên hạn chế khả năng thu hút vốn.

Để nâng cao hơn nữa hiệu quả huy động và sử dụng nguồn vốn đầu

không có đủ lượng vốn ngay từ đầu để thực hiện các công việc như giải tỏa mặt bằng, xây dựng cơ sở hạ tầng của công trình, phát triển vùng cung cấp nguyên liệu và các công trình có liên quan khác thì nhà đầu tư nước ngoài chưa muốn đầu tư vào nước ta. Mặt khác, thiếu vốn trong nước còn làm ta yếu thế trong các liên doanh và thiệt thòi trong chia sẻ lợi nhuận.

3. Cải thiện hơn nữa môi trường đầu tư tại VN nhằm làm cho tính hấp dẫn của nó không thua kém các quốc gia khác trong khu vực.

4. Cải tiến thủ tục hành chính, quản lý đồng bộ và thống nhất các nguồn vốn đầu tư nước ngoài, khắc phục tình trạng thủ tục phiền hà, chồng chéo.

5. Phát triển thị trường vốn, đa dạng hóa các hình thức vay vốn thông qua bán trái phiếu chính phủ và cổ phần của các công ty ra nước ngoài.



trong nước thu lợi nhuận bằng cách giảm chi phí sản xuất và nâng cao chất lượng hàng hóa, góp phần thúc đẩy nền kinh tế VN hòa nhập vào nền kinh tế thế giới.

Mặt khác, hoạt động đầu tư trực tiếp của nước ngoài tại VN cũng tạo ra động lực thúc đẩy quá trình hoàn thiện môi trường pháp lý của VN, đưa VN hòa nhập vào cộng đồng thế giới.

Tuy nhiên, kết quả từ hoạt động đầu tư nước ngoài tại VN cũng đặt ra những vấn đề phải tiếp tục hoàn thiện đó là:

- Tốc độ thu hút đầu tư tăng nhanh nhưng việc triển khai thực hiện dự án còn nhiều thiếu sót, làm thiệt hại cho cả các nhà đầu tư nước ngoài và phía VN.

- Phân bổ đầu tư nước ngoài còn chưa cân đối, do chưa có biện pháp khuyến khích thích đáng. Nhiều vùng lãnh thổ còn chưa có hoặc ít dự án

trực tiếp của nước ngoài tại VN trong thời gian tới, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế từ nay đến năm 2000 nhà nước cần thực hiện các biện pháp sau:

1. Kết hợp chặt chẽ loại hình đầu tư trực tiếp với đầu tư gián tiếp, khai thác thế mạnh của mỗi hình thức để bổ sung cho nhau, thông qua đầu tư gián tiếp mở rộng đầu tư trực tiếp.

2. Bảo đảm nguồn vốn trong nước đủ để hấp thụ vốn đầu tư nước ngoài. Bởi lẽ, kinh nghiệm cho thấy, muốn hấp thụ vốn đầu tư nước ngoài có hiệu quả đòi hỏi phải có một lượng vốn đầu tư trong nước thích hợp. Tỷ lệ này ở Trung Quốc là 5/1, ở một số nước là 3/1. Ở nước ta, theo một số chuyên gia tỷ lệ này có thể là 2/1. Trong những năm qua, việc chúng ta chưa chú trọng đúng mức đến điều này làm hạn chế lượng vốn được thu hút vào. Trên thực tế, nếu chúng ta

Bởi lẽ, sự yếu kém của thị trường vốn hoặc thiếu vắng thị trường này là một trở ngại cho các nhà đầu tư nước ngoài, họ thiếu những thông tin, những tín hiệu cần thiết để quyết định mua bán và chuyển dịch vốn, đa dạng hóa tích sản, phân tán rủi ro, thiếu kênh nối liền với thị trường vốn quốc tế.

6. Khẩn trương đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ quản lý đầu tư nước ngoài. Đa dạng hóa các hình thức đào tạo: đào tạo trong nước, ngoài nước; tập trung, tại chức với nhiều chương trình: dài hạn, ngắn hạn; bồi dưỡng, nâng cao. Trước mắt cần đào tạo nhiều cán bộ lập dự án, thẩm định xét duyệt dự án giới; một số giám đốc và luật sư giỏi. Nói chung đào tạo là công việc thường xuyên nhưng hiện nay đang là vấn đề cấp bách vì con người, cán bộ là nguồn gốc của hiệu quả kinh tế ■